

## TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

### VN-Index

|                       | Giá trị  | Thay đổi  | ± %     |
|-----------------------|----------|-----------|---------|
| VN-Index              | 399.71   | ↑ 2.93    | 0.74%   |
| KLGD (triệu ck)       | 73.07    | ↓ -3.75   | -4.89%  |
| GTGD (tỷ đồng)        | 1,270.97 | ↓ -65.03  | -4.87%  |
| Tổng cung (triệu ck)  | 136.11   | ↓ -48.18  | -26.14% |
| Tổng cầu (triệu ck)   | 146.79   | ↓ -25.12  | -14.61% |
| <b>Giao dịch NN</b>   |          |           |         |
| KL mua (triệu ck)     | 6.86     | ↓ -15.92  | -69.89% |
| KL bán (triệu ck)     | 2.44     | ↓ -8.19   | -77.01% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 379.64   | ↓ -172.87 | -31.29% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 62.27    | ↓ -131.38 | -67.84% |

### HNX-Index

|                       | Giá trị | Thay đổi | ± %     |
|-----------------------|---------|----------|---------|
| HNX-Index             | 55.00   | ↑ 0.95   | 1.76%   |
| KLGD (triệu ck)       | 60.96   | ↑ 12.04  | 24.62%  |
| GTGD (tỷ đồng)        | 450.24  | ↑ 141.66 | 45.91%  |
| Tổng cung (triệu ck)  | 75.83   | ↓ -11.86 | -13.52% |
| Tổng cầu (triệu ck)   | 88.45   | ↑ 9.35   | 11.82%  |
| <b>Giao dịch NN</b>   |         |          |         |
| KL mua (triệu ck)     | 0.38    | ↓ -2.21  | -85.24% |
| KL bán (triệu ck)     | 0.56    | ↓ -4.23  | -88.31% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 3.42    | ↓ -27.77 | -89.04% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 5.77    | ↓ -32.11 | -84.76% |

### Diễn biến chỉ số giá bộ chỉ số PVN-Index

| Chỉ số                   | Giá cuối cùng | Thay đổi | % Thay đổi |
|--------------------------|---------------|----------|------------|
| PVN 10                   | 702.13        | ↑ 13.3   | ↑ 1.93     |
| PVN ALL SHARE CONTINUOUS | 648.01        | ↑ 10.54  | ↑ 1.65     |
| PVN ALLSHARE             | 631.18        | ↑ 10.26  | ↑ 1.65     |
| PVN ALLSHARE HNX         | 479.19        | ↑ 18.58  | ↑ 4.03     |
| PVN ALLSHARE HSX         | 689.06        | ↑ 9.4    | ↑ 1.38     |
| PVN Vật Liệu Cơ Bản      | 1023.19       | ↑ 2.9    | ↑ 0.28     |
| PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng    | 887.32        | → 0      | → 0        |
| PVN Tài Chính            | 468.12        | ↑ 16.59  | ↑ 3.67     |
| PVN Công Nghiệp          | 323.46        | ↑ 9.15   | ↑ 2.91     |
| PVN Dầu Khí              | 628.61        | ↑ 10.01  | ↑ 1.62     |
| PVN Dịch Vụ Tiện Ích     | 571.97        | ↑ 7.45   | ↑ 1.32     |

### So sánh các chỉ số chính

|                 | Đồng cửa phiên gần nhất | % Thay đổi trong phiên gần nhất | % Thay đổi so với cuối tuần trước | % Thay đổi so với đầu năm 2012 |
|-----------------|-------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|
| VN-Index        | 399.71                  | ↑ 0.73%                         | ↑ 0.73%                           | ↑ 14.20%                       |
| VN30-Index      | 467.00                  | ↑ 0.39%                         | ↑ 0.39%                           | ↑ 21.21%                       |
| PVNAllshare HSX | 689.06                  | ↑ 1.38%                         | ↑ 1.38%                           | ↑ 33.83%                       |
| HNX-Index       | 55.00                   | ↑ 1.76%                         | ↑ 1.76%                           | ↓ -3.15%                       |
| HNX30-Index     | 102.78                  | ↑ 2.49%                         | ↑ 2.49%                           | ↑ 2.78%                        |
| PVNAllshare HNX | 479.19                  | ↑ 4.03%                         | ↑ 4.03%                           | ↓ -11.80%                      |
| PVNAllshare     | 631.18                  | ↑ 1.65%                         | ↑ 1.65%                           | ↑ 22.50%                       |
| PVN 10          | 702.13                  | ↑ 1.93%                         | ↑ 1.93%                           | ↑ 6.59%                        |

### Nhận định thị trường:



Nhiều dấu hiệu cho thấy các diễn biến thị trường những phiên gần đây chịu nhiều ảnh hưởng tâm lý từ các yếu tố thông tin. Sau khi thông tin giá điện tăng bình quân 5% đã khiến thị trường có một phiên điều chỉnh tương đối mạnh vào cuối tuần trước thì phiên hôm nay thị trường lại bất ngờ tăng mạnh trở lại, đặc biệt là chỉ số sàn Hà Nội.

Thông tin CPI tháng 12 của cả nước chỉ tăng 0,27% so với tháng trước là một trong những điểm đáng chú ý nhất trong ngày hôm nay. Ngoài ra, thông tin trần lãi suất huy động giảm 1% và dự trữ ngoại hối tăng gấp đôi so với cuối năm 2011 cũng là những yếu tố có tác động hỗ trợ tích cực tới tâm lý thị trường.

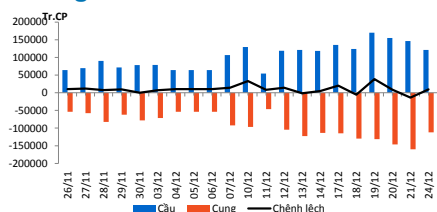
Thanh khoản khớp lệnh sàn Hồ Chí Minh có dấu hiệu giảm những chưa đến mức tiêu cực. Sàn HNX, thanh khoản vẫn duy trì mức ổn định với hơn 48 triệu đơn vị cổ phiếu phiên hôm nay. Các công cụ kỹ thuật thể hiện dòng tiền tham gia thị trường không còn “nóng” như hai tuần trước nhưng điểm tích cực đáng chú ý ở đây là áp lực bán giá thấp cũng hầu như không còn đáng kể mặc dù nhiều cổ phiếu đã tăng tương đối mạnh thời gian qua.

Trong bối cảnh thị trường có một số thông tin hỗ trợ thì diễn biến tích cực có khả năng còn tiếp diễn trong ngắn hạn, tuy nhiên chỉ số hai sàn có thể xuất hiện thêm những phiên điều chỉnh xen kẽ. HNX-Index có kháng cự mạnh tại vùng 57 điểm. Nhà đầu tư trung – dài hạn nên tiếp tục duy trì nắm giữ danh mục hiện có, và với tỷ lệ tiền mặt (nếu có), trong khi đó thì đối với nhà đầu tư ngắn hạn, việc cân nhắc hơn và ưu tiên giải ngân giá thấp trong những phiên điều chỉnh sẽ giúp giảm thiểu rủi ro và tăng kỳ vọng lợi nhuận cho danh mục đầu tư.

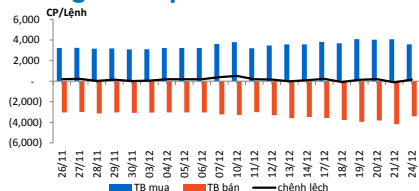
## TÓM TẮT DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TRONG PHIÊN

### Diễn biến sàn Hồ Chí Minh

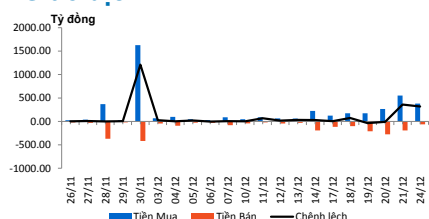
#### Cung cầu



#### Trung bình lệnh mua/bán

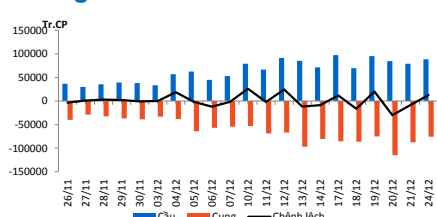


#### Giao dịch NĐTNN

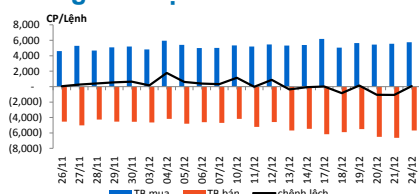


### Diễn biến sàn Hà Nội

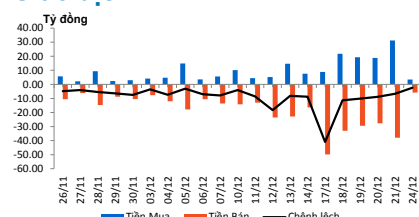
#### Cung cầu



#### Trung bình lệnh mua/bán



#### Giao dịch NĐTNN



Đầu phiên, các mã Bất động sản và Xây dựng tăng mạnh trong tuần trước hiện đều có dấu hiệu chững lại, giá chỉ lình xình quanh mốc tham chiếu .....DIG, ITA, ITC, LCG, KBC, NTL là các điển hình khi giá chỉ dao động trong phạm vi nhỏ. SJS đang giao dịch gần giá sàn khi cả lực mua và bán đều yếu. Chốt đợt 1, VN-Index tăng 11%.

Nửa cuối phiên giao dịch buổi sáng, tình trạng phân hóa của các nhóm cổ phiếu lại xuất hiện. Thị trường lập lại trạng thái giằng co, đà tăng của VN-Index bị thu hẹp đáng kể.

Hàng loạt cổ phiếu ngân hàng giảm giá như CTG, MBB, EIB, STB, VCB, nhiều mã bluechips khác cũng không giữ nổi mức tăng mạnh khiến VN-Index chỉ còn nhích nhẹ 0.44 điểm vào cuối buổi, tức chỉ tăng 0.11% tạm dừng ở 397.22 điểm.

Trong rổ VN30, các mã SSI, PVF, BVH, MSN, VIC, VNM, AGR, DRC, CII là duy trì được trên mốc tham chiếu, biên độ tăng rất nhỏ do áp lực từ nguồn cung giá cao khá lớn.

Thị trường có diễn biến khá tích cực trong phiên buổi chiều. VN-Index chốt phiên vẫn tăng 2,93 điểm (0,73%) lên mức 399.71 điểm. Thanh khoản HSX đạt hơn 73 triệu cổ phiếu, GTGD hơn 1,200 tỷ đồng nhưng có tới hơn 35,7 triệu đơn vị cổ phiếu là thỏa thuận.

Thị trường mở cửa ở giá đỏ nhưng lực cầu đỡ giá xuất hiện giúp tình hình được cải thiện, sắc xanh quay trở lại nhưng diễn biến nhìn chung còn khá yếu. Đến 9h30, HNX-Index vượt mức 1% tiến sát 55 điểm.

Đến 10h, KLS, BVS và AGR đều đang giao dịch ở giá trần, khối lượng giao dịch KLS đã trên 3 triệu đơn vị, BVS trên 2 triệu. VND tăng mạnh 4.45% với hơn 2 triệu đơn vị cổ phiếu được chuyển giao. SHS cũng tăng trần với hơn 2 triệu đơn vị, SSI, HCM, PSI, CTS lực cầu đều đang chủ động. HNX tiếp tục vẫn là tâm điểm về số lượng cổ phiếu có khối lượng giao dịch cao. Cụ thể trong top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch trên 1 triệu đơn vị thì HNX đã chiếm đến 8 mã. KLS, SHB, PVX, VND, SHS, SCR.... Vẫn là những mã đầu cơ quen thuộc có khối lượng giao dịch lớn ...

Cuối phiên sáng, tại sàn HNX, các mã đầu cơ nóng tiếp tục hút dòng tiền trong sáng nay. Dẫn đầu vẫn là KLS với hơn 4 triệu đơn vị, tiếp đến SHB 3.5 triệu, PVX 3.4 triệu, VND 2.8 triệu, SHS 2.4 triệu, SCR 2.1 triệu và BVS 1.7 triệu đơn vị.

Kết phiên, HNX-Index đóng cửa mức 55 điểm tròn, tăng 0,95 điểm tương ứng 1,75%. Khối lượng giao dịch HNX đạt 48,1 triệu đơn vị cổ phiếu, tương ứng với 314.66 tỷ đồng.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Đồ thị chỉ số VN-Index – Tổng hợp tín hiệu trading ngắn hạn



Đồ thị chỉ số HNX-Index – Tổng hợp tín hiệu trading ngắn hạn

### Chỉ tiêu kỹ thuật của VN-Index

| Xu thế    | Thời gian    | Trạng thái |
|-----------|--------------|------------|
| Ngắn hạn  | 1 - 4 tuần   | Tăng       |
| Trung hạn | 1 - 3 tháng  | N/A        |
| Dài hạn   | trên 6 tháng | Sideway    |

### Chỉ tiêu đánh giá ngắn hạn

|                     |            |
|---------------------|------------|
| Chu kỳ ngắn hạn     | Điều chỉnh |
| Thanh khoản         | Giảm       |
| Đánh giá dòng tiền  | N/A        |
| Trạng thái ngắn hạn | N/A        |
| Tín hiệu mua/bán    | N/A        |

### Các ngưỡng quan trọng

|            | Điểm     | Đánh giá |
|------------|----------|----------|
| Kháng cự 1 | 420      | ***      |
| Kháng cự 2 |          |          |
| Kháng cự 3 |          |          |
| Hỗ trợ 1   | 380      | *        |
| Hỗ trợ 2   | 370      | **       |
| Hỗ trợ 3   | Vùng 330 | ***      |

Ghi chú đánh giá các ngưỡng kỹ thuật: (\*) Yếu; (\*\*) Trung Bình; (\*\*\*) Mạnh; (\*\*\*\*) Rất mạnh

### Chỉ tiêu kỹ thuật của HNX-Index

| Xu thế    | Thời gian    | Trạng thái |
|-----------|--------------|------------|
| Ngắn hạn  | 1 - 4 tuần   | Tăng       |
| Trung hạn | 1 - 3 tháng  | Giảm       |
| Dài hạn   | trên 6 tháng | Giảm       |

### Chỉ tiêu đánh giá ngắn hạn

|                     |            |
|---------------------|------------|
| Chu kỳ ngắn hạn     | Điều chỉnh |
| Thanh khoản         | Ổn định    |
| Đánh giá dòng tiền  | Ổn định    |
| Trạng thái ngắn hạn | N/A        |
| Tín hiệu mua/bán    | N/A        |

### Các ngưỡng quan trọng

|            | Điểm         | Đánh giá |
|------------|--------------|----------|
| Kháng cự 1 | Vùng 57 - 58 | ***      |
| Kháng cự 2 |              |          |
| Kháng cự 3 |              |          |
| Hỗ trợ 1   | 52.5         | *        |
| Hỗ trợ 2   | 50.3         | **       |
| Hỗ trợ 3   | Vùng 46      | ***      |

Ghi chú đánh giá các ngưỡng kỹ thuật: (\*) Yếu; (\*\*) Trung Bình; (\*\*\*) Mạnh; (\*\*\*\*) Rất mạnh

Điểm tích cực là chu kỳ điều chỉnh của thị trường đang diễn ra với mức thanh khoản tương đối ổn định. Có khả năng chỉ số hai sàn sẽ có một giai đoạn ngắn dao động tích lũy, cụ thể VN-Index dao động trong 380 – 420 điểm và HNX-Index dao động quanh vùng 52,5 – 57 điểm. Với HNX-Index thì khả năng tăng ngắn hạn vẫn có thể tiếp diễn nhưng vùng kháng 57 điểm sẽ gây sức cản đáng kể với đà tăng của chỉ số sàn này.

## TỔNG HỢP TIN

### TIN KINH TẾ TRONG NƯỚC

#### **Trần lãi suất huy động giảm 1% từ 24/12**

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vừa ban hành Thông tư số 32 /2012/TT-NHNN quy định lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VNĐ của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực từ ngày 24-12.

Theo đó, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 12 tháng giảm từ 9%/năm xuống 8%/năm, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng giữ nguyên là 2%/năm;; riêng Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô ấn định mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 12 tháng là 8,5%/năm; lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ấn định trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường.

Ngoài ra, NHNN cũng quyết định giảm lãi suất tái cấp vốn từ 10%/năm xuống 9%/năm; lãi suất tái chiết khấu 8%/năm xuống 7%/năm, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng từ 11%/năm xuống 10%/năm. Các mức lãi suất này đều có hiệu lực thi hành hàng từ ngày 24-12.

#### **CPI cả nước tháng 12 đã giữ ở mức 1 con số so với tháng 12/2011 với mức tăng chỉ 6,81%.**

Tổng cục thống kê vừa công bố chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước tháng 12.

Tiếp tục có một tháng tăng thấp 0,27% so với tháng trước, CPI cả nước tháng 12 đã giữ ở mức 1 con số so với tháng 12/2011 với mức tăng chỉ 6,81%. Tính chung cả năm 2012 so với 2011, CPI tăng 9,21%.

Trong số 11 nhóm hàng tính chỉ số giá tháng 12, nhóm hàng may mặc, mũ nón, giày dép có mức tăng mạnh nhất 1,17% so với tháng 11. Có thể, nguyên nhân đây là tháng tết dương lịch và cận tết âm lịch nên nhu cầu tiêu dùng nhóm mặt hàng này cao hơn kéo theo chỉ số giá tăng.

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 12 tăng 0,28% so với tháng 11 và tính chung cả năm 2012 tăng 8,12% so với năm 2011- thấp hơn mức tăng chung.

Nếu xét chặng đường dài cả năm 2012 thì nhóm thuốc, dịch vụ y tế và nhóm hàng giáo dục là nhóm có mức tăng đột biến nhất với chỉ số giá tăng lần lượt là 16,34% và 17,07%.

#### **Dự trữ ngoại hối tăng gấp đôi so với đầu năm**

Phó thống đốc Ngân hàng Nhà nước Lê Minh Hưng thông báo tại cuộc gặp mặt các tổ chức tài chính, tín dụng quốc tế vào cuối tuần qua.

Ông Hưng cho biết năm 2012 lạm phát giảm mạnh, dự kiến xuống còn khoảng 7%, tốc độ tăng trưởng GDP dự kiến đạt khoảng 5,2%. Đặc biệt, cán cân tổng thể dự báo đạt thặng dư kỷ lục khoảng 10 tỉ USD, cao hơn rất nhiều so với các dự báo được đưa ra. Kết quả này giúp cho dự trữ ngoại hối tăng hơn gấp đôi so với hồi đầu năm. Cung ứng ra thị trường một lượng lớn nội tệ mà không gây áp lực lên lạm phát, đồng thời góp phần giảm căng thẳng thanh khoản, duy trì thị trường ngoại hối, tỷ giá rất ổn định trong suốt cả năm.

#### **Giá điện có thể tăng tiếp trong năm 2013**

Dù chưa khẳng định trực tiếp, nhưng những thông tin ông Đinh Quang Tri cung cấp cho thấy khả năng giá điện trong năm 2013 tăng cao hơn mức tăng của năm nay là hoàn toàn có thể xảy ra. Nhất là khi gánh nặng lỗ 26.000 tỉ đồng chênh lệch tỷ giá (mà theo ông Tri, nếu cho bù hết vào giá điện sẽ tăng luôn một lần mấy chục phần trăm) chưa được giải quyết nhiều, khi mới chỉ được bù 3.000 tỉ đồng. Trong khi đó, theo yêu cầu của Chính phủ, khoản nợ này sẽ phải tính toán hết vào giá điện từ nay đến năm 2015, đồng nghĩa với việc trong 3 năm tới, mỗi năm cơ cấu đầu vào tính giá điện ít nhất sẽ phải gánh thêm 6.000 - 7.000 tỉ đồng lỗ chênh lệch tỷ giá của EVN, chưa kể các khoản lỗ kinh doanh phát sinh khác.

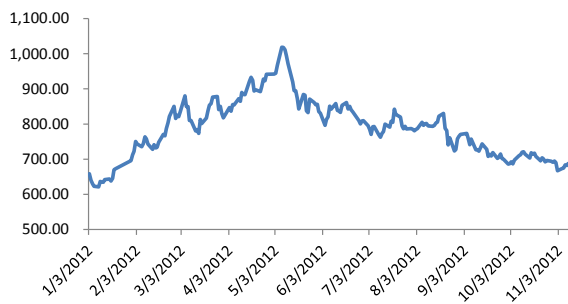
Đặc biệt năm 2013, theo ông Tri, ẩn số lớn nhất là vấn đề thiếu nước thủy điện, khiến nguồn điện có thể thiếu hụt vài tỉ kWh và EVN sẽ phải chạy bù điện dầu với chi phí phát sinh thêm khoảng 6.000 - 7.000 tỉ đồng nữa. Nếu điều này xảy ra, áp lực "cồng" lỗ trong giá điện của năm 2013 sẽ lớn hơn nhiều con số 10.000 tỉ đồng và chắc chắn mỗi lần tăng giá điện sẽ không dừng lại ở mức 5% như gần đây.

# DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

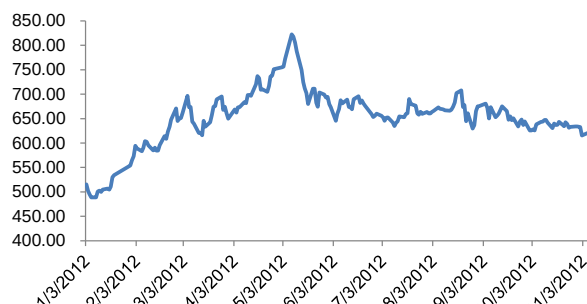
Bloomberg : PVNI &lt;GO&gt;

www.pvnindex.vn

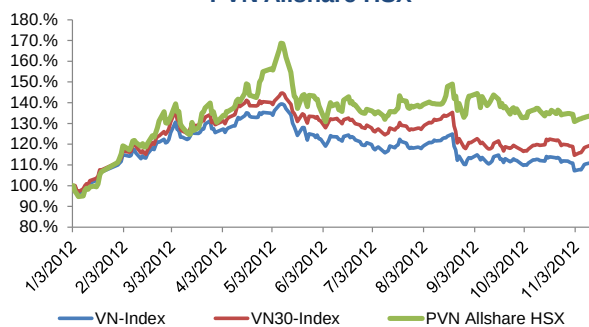
PVN 10



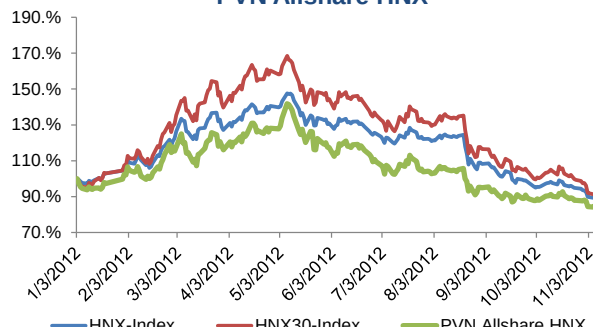
PVN ALLSHARE



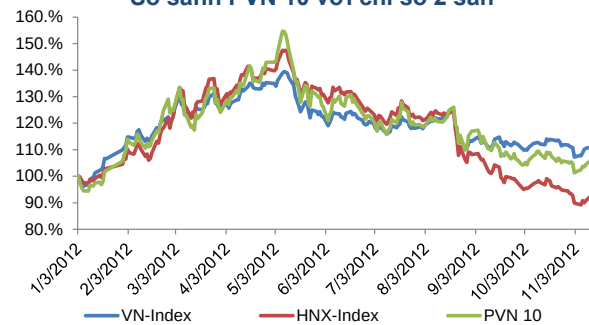
So sánh các chỉ số trên HSX với PVN Allshare HSX



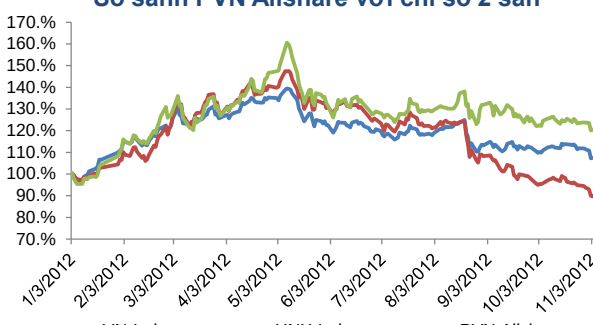
So sánh các chỉ số trên HNX với PVN Allshare HNX



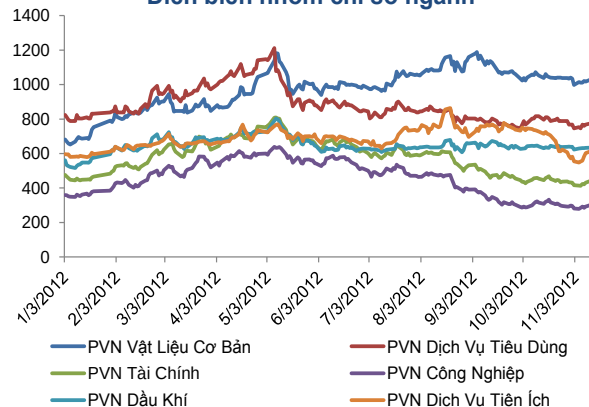
So sánh PVN 10 với chỉ số 2 sàn



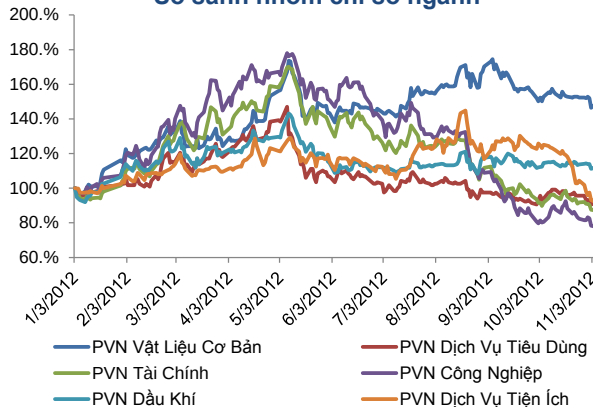
So sánh PVN Allshare với chỉ số 2 sàn



Diễn biến nhóm chỉ số ngành



So sánh nhóm chỉ số ngành





## Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 8 mã cổ phiếu đứng giá, và 19 cổ phiếu tăng giá và 1 mã giảm giá. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 2,01% và tổng khối lượng giao dịch đạt mức thấp với 11,976 triệu đơn vị.

**Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 24/12:**

| STT | Mã  | Tên công ty                                           | Giá đóng cửa (VNĐ) | KLGD (cp) | Tăng/Giảm (%) | P/B * | P/E trailing* | Sàn   |
|-----|-----|-------------------------------------------------------|--------------------|-----------|---------------|-------|---------------|-------|
| 1   | PCG | CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị                  | 5,500.0            | -         | 0.00          | 0.48  | 14.86         | HNX   |
| 2   | PCT | CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long                         | 2,900.0            | 1,500     | 0.00          | 0.28  | 26.36         | HNX   |
| 3   | PFL | Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô                       | 2,700.0            | 255,600   | 3.85          | 0.16  | 0.26          | HNX   |
| 4   | PGS | CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam                 | 16,800.0           | 1,085,900 | 3.70          | 1.38  | 1.12          | HNX   |
| 5   | PPS | CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam       | 11,900.0           | 220,600   | 6.25          | 1.10  | 7.53          | HNX   |
| 6   | PPE | CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam                 | 4,100.0            | -         | 0.00          | 0.38  | 2.27          | HNX   |
| 7   | PSI | CTCP Chứng Khoán Dầu khí                              | 3,900.0            | 17,200    | 2.63          | 0.39  | N/A           | HNX   |
| 8   | PVC | Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP | 12,500.0           | 83,300    | 1.63          | 0.75  | 1.87          | HNX   |
| 9   | PVE | Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP             | 7,900.0            | 173,500   | 6.76          | 1.38  | 3.61          | HNX   |
| 10  | PVG | CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc                 | 7,800.0            | 198,900   | 4.00          | 0.50  | 5.61          | HNX   |
| 11  | PVI | Công ty Cổ phần PVI                                   | 15,500.0           | 25,100    | 4.73          | 0.66  | 7.83          | HNX   |
| 12  | PVR | CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam      | 5,600.0            | 21,600    | 5.66          | 0.54  | 2.63          | HNX   |
| 13  | PVS | Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam           | 13,600.0           | 1,408,800 | 0.74          | 1.15  | 3.64          | HNX   |
| 14  | PVX | Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam                    | 5,000.0            | 6,304,975 | 6.38          | 0.22  | 1.88          | HNX   |
| 15  | GAS | Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP                      | 38,800.0           | 36,900    | 1.57          | 3.13  | 12.44         | HSX   |
| 16  | DPM | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP        | 35,300.0           | 481,100   | 0.28          | 2.11  | 5.70          | HSX   |
| 17  | CNG | Công ty cổ phần CNG Việt Nam                          | 23,700.0           | 29,310    | 0.00          | 1.09  | 2.88          | HSX   |
| 18  | GSP | CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế                     | 7,000.0            | 33,920    | 1.45          | 0.60  | 5.11          | HSX   |
| 19  | PET | Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí                    | 12,600.0           | 161,880   | 0.00          | 0.72  | 3.10          | HSX   |
| 20  | PGD | CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam           | 28,300.0           | 124,840   | 1.43          | 1.38  | 4.00          | HSX   |
| 21  | PTL | CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí                 | 2,800.0            | 375,280   | 0.00          | 0.27  | 2.17          | HSX   |
| 22  | PVD | Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí              | 36,500.0           | 69,600    | 1.11          | 1.23  | 7.17          | HSX   |
| 23  | PVF | Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam       | 8,000.0            | 558,360   | 2.56          | 0.70  | 10.13         | HSX   |
| 24  | PVT | Tổng CTCP vận tải Dầu khí                             | 4,000.0            | 114,330   | 0.00          | 0.41  | 36.36         | HSX   |
| 25  | PXI | CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí          | 4,000.0            | 19,120    | -2.44         | 0.38  | 2.67          | HSX   |
| 26  | PXM | CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung                       | 2,300.0            | 18,130    | 0.00          | 0.21  | 1.20          | HSX   |
| 27  | PXS | CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí              | 7,400.0            | 153,220   | 4.23          | 0.56  | 2.22          | HSX   |
| 28  | PXT | CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí                | 4,300.0            | 3,360     | 2.38          | 0.39  | 2.83          | HSX   |
| 29  | NT2 | CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2                    | 4,300.0            | 7,000     | 0.00          | 0.39  | 4.61          | UPCOM |
| 30  | POV | CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng                        | 7,700.0            | -         | 0.00          | 0.72  | 0.00          | UPCOM |
| 31  | PSP | CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ                     | 4,500.0            | 7,200     | 2.27          | 0.46  | 13.58         | UPCOM |
| 32  | PSB | CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình                | 4,400.0            | 6,400     | 10.00         | 0.39  | 3.95          | UPCOM |
| 32  | PTT | CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương                       | 3,800.0            | -         | 0.00          | 0.34  | N/A           | UPCOM |

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

### HSX

#### 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | ± %   | Giá trị giao dịch<br>(1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| CTG | 19,400     | 18,900   | -2.58 | 38,205,546                         |
| SSI | 15,300     | 15,800   | 3.27  | 31,162,211                         |
| DRC | 24,600     | 25,600   | 4.07  | 22,202,128                         |
| CSM | 21,500     | 22,500   | 4.65  | 19,638,407                         |
| BVH | 34,400     | 35,500   | 3.20  | 17,858,199                         |

#### 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng  | ± %   |
|-----|------------|----------|-------|-------|
| VSG | 1,000      | 1,100    | 100   | 10.00 |
| SBS | 1,200      | 1,300    | 100   | 8.33  |
| CYC | 2,000      | 2,100    | 100   | 5.00  |
| PDR | 14,000     | 14,700   | 700   | 5.00  |
| HOT | 24,700     | 25,900   | 1,200 | 4.86  |

#### 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm   | ± %   |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| VES | 1,100      | 1,000    | -100   | -9.09 |
| DXV | 4,000      | 3,800    | -200   | -5.00 |
| SJS | 22,500     | 21,400   | -1,100 | -4.89 |
| DHM | 26,600     | 25,300   | -1,300 | -4.89 |
| VTF | 25,000     | 23,800   | -1,200 | -4.80 |

#### 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã  | GT mua<br>(triệu VNĐ) | Mã  | GT bán<br>(triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| MSN | 313,676               | DPM | 13,122                |
| DPM | 15,438                | DRC | 11,189                |
| BVH | 6,650                 | TTP | 6,870                 |
| HAG | 5,058                 | VIC | 5,495                 |
| STB | 4,332                 | BMC | 3,625                 |

### HNX

#### 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | ± %   | Giá trị giao dịch<br>(1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| OCH | 17,100     | 17,000   | -0.58 | 102,114                            |
| SHB | 5,300      | 5,400    | 1.89  | 39,558                             |
| KLS | 7,700      | 8,200    | 6.49  | 35,092                             |
| VND | 8,800      | 9,200    | 4.55  | 34,145                             |
| SCR | 6,000      | 6,100    | 1.67  | 32,168                             |

#### 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng | ± %   |
|-----|------------|----------|------|-------|
| GGG | 1,000      | 1,100    | 100  | 10.00 |
| NVC | 1,100      | 1,200    | 100  | 9.09  |
| VCH | 1,200      | 1,300    | 100  | 8.33  |
| TLT | 1,200      | 1,300    | 100  | 8.33  |
| PSG | 1,200      | 1,300    | 100  | 8.33  |

#### 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm | ± %   |
|-----|------------|----------|------|-------|
| LM7 | 3,000      | 2,800    | -200 | -6.67 |
| L62 | 6,000      | 5,600    | -400 | -6.67 |
| VHL | 10,500     | 9,800    | -700 | -6.67 |
| VCM | 10,500     | 9,800    | -700 | -6.67 |
| VNN | 4,500      | 4,200    | -300 | -6.67 |

#### 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã  | GT mua<br>(triệu VNĐ) | Mã  | GT bán<br>(triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| PVS | 1,031                 | AAA | 1,028                 |
| PVX | 483                   | VNR | 871                   |
| VND | 460                   | SDT | 615                   |
| SCR | 300                   | SCR | 400                   |
| VCG | 166                   | PVS | 340                   |

## KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Phòng Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

### THÔNG TIN LIÊN HỆ

**Phòng Phân tích**

**E -mail:** [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

**Tel:** (84-4) 3934 3888



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

*Trụ sở chính:*

**18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999**

*Chi nhánh TP.HCM:*

**Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax(84-8) 3914 6969**

*Chi nhánh Vũng Tàu:*

**Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521**

*Chi nhánh Đà Nẵng:*

**Tầng 3, tòa nhà số 53 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng– ĐT: (84-0511)3899338; Fax: (84-0511) 3899339**